

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH
(tên gọi trước đây là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt)

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	3
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	4 - 10
Báo cáo của Ngân hàng giám sát	11
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	12 - 13
Báo cáo thu nhập giữa niên độ	14
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	15 - 16
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ	17
Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ	18
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	19 - 20
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	21 - 54

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THÔNG TIN CHUNG

QUỸ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH (tên gọi trước đây là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt) ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 149/GCN-UBCK ngày 1 tháng 6 năm 2022, Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 51/GCN-UBCK ngày 22 tháng 9 năm 2022 và Giấy chứng nhận điều chỉnh số 40/GCN-UBCK ngày 2 tháng 3 năm 2023 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Theo giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ, tổng số vốn huy động tối thiểu của Quỹ là 50.000.000.000 đồng, tương đương với 5.000.000 chứng chỉ Quỹ. Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 12.566.188,87 chứng chỉ quỹ với tổng giá trị là 125.661.888.700 đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 151.584.567.400 đồng, tương đương với 15.158.456,74 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư chủ yếu vào các loại trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ, tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ 80% giá trị tài sản ròng trở lên.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt, Tầng 5, Tòa nhà HM, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt ("Công ty Quản lý Quỹ").

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT VÀ LƯU KÝ

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam. Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 08/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 10 năm 2006 và Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 11/GPĐC-UBCK ngày 25 tháng 1 năm 2022, và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH**

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện Quỹ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Minh Hoàng	Chủ tịch, thành viên độc lập	Ngày 22 tháng 9 năm 2022
Bà Phan Thị Hồng Lan	Thành viên độc lập	Ngày 22 tháng 9 năm 2022
Ông Nguyễn Văn Quang	Thành viên độc lập	Ngày 22 tháng 9 năm 2022

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Phạm Pho Hop, chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt - Công ty Quản lý Quỹ.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Quỹ.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH (tên gọi trước đây là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt) ("Quỹ") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt ("Công ty Quản lý Quỹ"), với tư cách là công ty quản lý quỹ của Quỹ, chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ và danh mục đầu tư giữa niên độ, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Quỹ trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

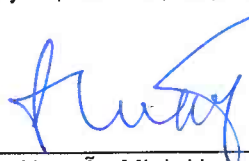
Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo đó, chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm, trên cơ sở cam kết của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ. Báo cáo tài chính giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ và danh mục đầu tư giữa niên độ của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ:



Ông Nguyễn Minh Hoàng
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

1. Mục tiêu của Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH (tên gọi trước đây là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt) ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 149/GCN-UBCK ngày 1 tháng 6 năm 2022, Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 51/GCN-UBCK ngày 22 tháng 9 năm 2022 và Giấy chứng nhận điều chỉnh số 40/GCN/UBCK ngày 2 tháng 3 năm 2023 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư chủ yếu vào các loại trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ, tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ 80% giá trị tài sản ròng trở lên.

2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ đã được soát xét, tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2023, thay đổi giá trị tài sản ròng ("NAV") trên 1 đơn vị quỹ của Quỹ là 3,45% so với ngày 31 tháng 12 năm 2022.

3. Chiến lược đầu tư của Quỹ

Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản theo chiến lược đầu tư phòng thủ hoặc tăng trưởng tùy thuộc vào cơ hội đầu tư sẵn có tại các thời điểm khác nhau. Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi đáng kể tùy thuộc vào nhận định của Công ty Quản lý Quỹ, với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động là bảo vệ lợi ích của Nhà đầu tư.

Việc phân bổ tài sản trên tùy thuộc vào các cơ hội đầu tư sẵn có và đánh giá của đội ngũ đầu tư về rủi ro và lợi nhuận mang lại của các cơ hội đầu tư này đối với các loại tài sản.

4. Phân loại Quỹ

Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ mở theo quy định của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ("Thông tư 98") ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành.

5. Thời gian khuyến nghị đầu tư của Quỹ: Trung đến dài hạn.

6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao): Thấp

7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 51/GCN-UBCK ngày 22 tháng 9 năm 2022 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

- Tổng giá trị tài sản ròng: 158.506.501.305 VND
- Số lượng chứng chỉ quỹ: 15.158.456,74 chứng chỉ quỹ

9. Lợi nhuận tham chiếu của Quỹ: Quỹ không có chỉ số tham chiếu.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ (tiếp theo)

10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

- Công ty quản lý quỹ được phân chia lợi nhuận của quỹ cho Nhà đầu tư. Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận đã thực hiện của Quỹ. Công ty quản lý quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quỹ đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn trước khi trả hết số lợi nhuận đã định; giá trị tài sản ròng của Quỹ không thấp hơn 50.000.000.000 đồng. Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ.
- Hình thức phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng Chứng chỉ quỹ. Việc phân chia lợi nhuận phải được sự chấp thuận trước của Đại hội Nhà đầu tư hoặc được sự chấp thuận của Ban đại diện Quỹ (nếu Đại hội Nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban đại diện Quỹ quyết định).
- Công ty quản lý quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị quỹ

Trong kỳ, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

1. Cơ cấu tài sản quỹ

Cơ cấu tài sản quỹ	Tại ngày 30/6/2023 (%)	Tại ngày 31/12/2022 (%)
Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	6,94	23,15
Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng	40,75	13,13
Chứng chỉ tiền gửi	6,30	29,38
Trái phiếu	42,99	33,00
Tài sản khác	3,02	1,34
Tổng cộng	100,00	100,00

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

STT	Chỉ tiêu	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
1	Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	158.506.501.305	152.190.430.191
2	Tổng số chứng chỉ quỹ ("CCQ") đang lưu hành	15.158.456,74	15.056.943,98
3	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ	10.456,63	10.107,65
4	Giá trị tài sản ròng cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	10.456,63	10.107,65
5	Giá trị tài sản ròng thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	10.108,99	9.972,38
6	Giá cuối ngày trên 1 đơn vị quỹ tại ngày báo cáo (a)	Không áp dụng	Không áp dụng
7	Giá cuối ngày cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo (a)	Không áp dụng	Không áp dụng
8	Giá cuối ngày thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo (a)	Không áp dụng	Không áp dụng
9	Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị quỹ	3,45	1,08
9.1	Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị quỹ (Thay đổi do biến động giá)	Không áp dụng	Không áp dụng
9.2	Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị quỹ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)	Không áp dụng	Không áp dụng
10	Phân phối gộp trên 1 đơn vị quỹ (b)	Không áp dụng	Không áp dụng
11	Phân phối ròng trên 1 đơn vị quỹ (b)	Không áp dụng	Không áp dụng
12	Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution)	Không áp dụng	Không áp dụng
13	Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	1,57	1,75
14	Tốc độ vòng quay danh mục (Lần)	0,31	1,45

(a) Chứng chỉ quỹ của Quỹ không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

(b) Quỹ chưa áp dụng chính sách phân phối lợi nhuận.

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng NAV/CCQ (%)	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm (%)
1 năm	Không áp dụng	Không áp dụng
3 năm	Không áp dụng	Không áp dụng
Từ khi thành lập	4,57	Không áp dụng

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ

1. Kinh tế vĩ mô

Tổng quan tình hình kinh tế vĩ mô

Theo Tổng cục Thống kê, GDP 6 tháng đầu năm 2023 tăng 3,72% so với năm trước, chỉ cao hơn tốc độ tăng 1,74% của 6 tháng đầu năm 2020 trong giai đoạn 2011-2023.

Sản xuất công nghiệp đi xuống trong 6 tháng đầu năm 2023

Theo Tổng cục Thống kê, sản xuất công nghiệp nửa đầu năm 2023 đối mặt với nhiều khó khăn khi đơn hàng giảm, sức cầu yếu, chi phí đầu vào tăng cao. Tính chung 6 tháng đầu năm, giá trị tăng thêm ngành công nghiệp tăng 0,44% so với cùng kỳ năm trước, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 0,37%. Cụ thể, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) ước tính giảm 1,2% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2022 tăng 9,1%). PMI của Việt Nam đạt kết quả 46,2 trong tháng 6, tăng so với 45,3 điểm trong tháng 5 và nằm dưới ngưỡng trung tính 50 điểm lần thứ bảy trong tám tháng qua.

Xuất nhập khẩu chậm lại trong quý II năm 2023

Theo Tổng cục thống kê tính chung 6 tháng đầu năm 2023, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 316,65 tỷ USD, giảm 15,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu giảm 12,1%; nhập khẩu giảm 18,2%. Cán cân thương mại hàng hóa 6 tháng đầu năm 2023 ước tính xuất siêu 12,25 tỷ USD.

Nguồn vốn FDI tiếp tục xu hướng giảm

Số vốn đăng ký FDI trong 6 tháng đầu năm 2023 đạt 13,4 tỷ USD, giảm 4,3% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, số vốn giải ngân ghi nhận tăng nhẹ 0,5% so với cùng kỳ đạt khoảng 10 tỷ USD.

Lạm phát trong tầm kiểm soát

CPI bình quân quý II/2023 tăng 2,41% so với cùng kỳ năm trước; bình quân 6 tháng đầu năm 2023, CPI tăng 3,29%. Trong 6 tháng đầu năm 2023, lạm phát cơ bản tăng 4,74% so cùng kỳ năm 2022, cao hơn mức CPI bình quân chung.

Lãi suất điều hành được Ngân hàng Nhà nước điều chỉnh giảm 4 lần liên tiếp

Ngân hàng Nhà nước đã điều chỉnh giảm lãi suất điều hành 4 lần liên tiếp trong 6 tháng đầu năm 2023. Kể từ ngày 16/09/2023 lãi suất tái cấp vốn 4,5%/năm và lãi suất tái chiết khấu là 3,0%/năm. Việc điều chỉnh này giúp thị trường tiền tệ nới lỏng, tăng thanh khoản.

2. Thị trường trái phiếu doanh nghiệp

Giá trị phát hành trái phiếu doanh nghiệp đạt gần 42.783 tỷ đồng, giảm 74% so với cùng kỳ năm trước với 7 đợt phát hành ra công chúng trị giá 5.521 tỷ đồng (chiếm 13% tổng giá trị phát hành) và 35 đợt phát hành riêng lẻ trị giá 37.262 tỷ đồng (chiếm 87% tổng số). Trong đó, ngành Bất động sản phát hành nhiều nhất với 23.315 tỷ đồng (chiếm 54.5%), theo sau là nhóm Hàng tiêu dùng (10.545 tỷ đồng, chiếm 24.6%). Trong đó, nhóm ngành Ngân hàng ghi nhận mức sụt giảm 96,75%, chỉ đạt 2911 tỷ đồng, chiếm 6,8% tổng giá trị phát hành.

Nửa đầu năm 2023 ghi nhận quy mô trái phiếu mua lại trước đáo hạn đạt 103 nghìn tỷ đồng, tăng 32% so với năm 2022.

Trong bối cảnh lãi suất điều hành đã điều chỉnh giảm 4 lần trong 6 tháng đầu năm, lãi suất tiền gửi giảm, các Ngân hàng Thương mại đã giảm phát hành trái phiếu doanh nghiệp, và thực hiện gia tăng mua lại trái phiếu trước đáo hạn. Chỉ riêng trong quý 2/2023, nhóm ngành Ngân hàng đã thực hiện mua lại 53.713 tỷ đồng trái phiếu

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ (tiếp theo)

3. Thị trường quỹ mở trái phiếu

Trong nửa đầu năm 2023, tâm lý các nhà đầu tư dần ổn định, không còn hiện tượng rút ròng khỏi các quỹ nhờ các chính sách hỗ trợ được ban hành. Tuy nhiên, tính tới cuối Q2/2023, thị trường trái phiếu doanh nghiệp vẫn âm ảm với danh sách doanh nghiệp chậm thanh toán gia tăng, cùng hoạt động phát hành trầm lắng do nhu cầu vẫn suy yếu.

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

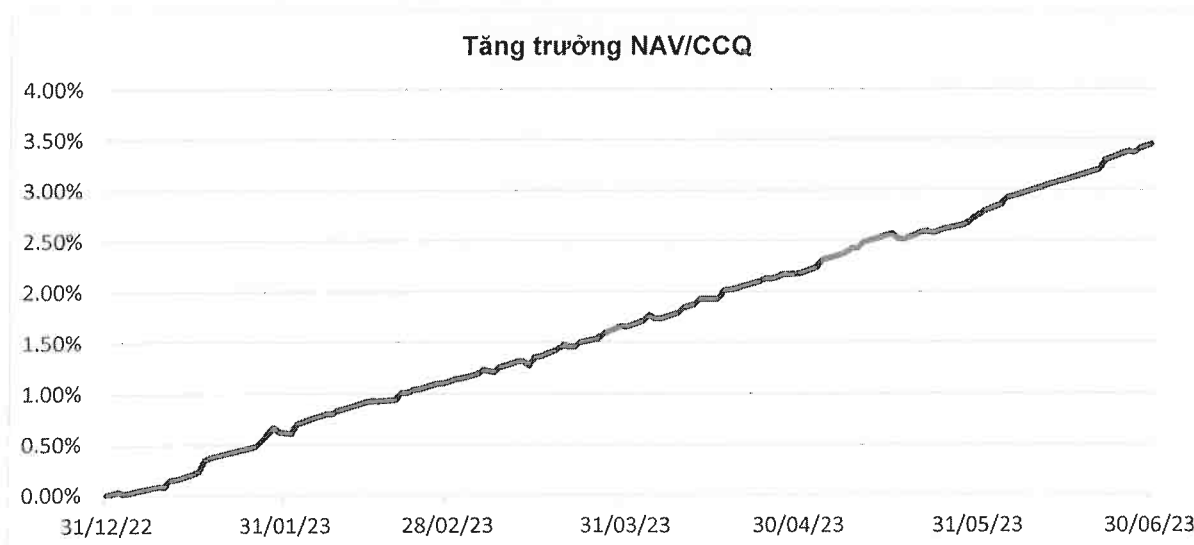
1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

Chỉ tiêu	Một năm đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	Không áp dụng	Không áp dụng
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị CCQ	Không áp dụng	Không áp dụng
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	Không áp dụng	4,57
Tăng trưởng hàng năm(%)/1 đơn vị CCQ	Không áp dụng	Không áp dụng
Tăng trưởng của doanh mục cơ cấu	Không áp dụng	Không áp dụng
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ	Không áp dụng	Không áp dụng

Thay đổi giá trị tài sản ròng:

Chỉ tiêu	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	Tỷ lệ thay đổi (%)
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	158.506.501.305	152.190.430.191	4,15
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị quỹ	10.456,63	10.107,65	3,45

Biểu đồ tăng trưởng trong kỳ của Quỹ:



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Quy mô nắm giữ (chứng chỉ quỹ)	Số lượng nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Dưới 5.000	124	40.563,35	0,26
Từ 5.000 đến 10.000	-	-	-
Từ 10.000 đến 50.000	3	30.000,00	0,20
Từ 50.000 đến 500.000	1	96.578,29	0,64
Trên 500.000	2	14.991.315,10	98,90
Tổng cộng	130	15.158.456,74	100,00

3. Chi phí ngầm và giảm giá: Không có

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

1. Triển vọng thị trường

Một số dự thảo và nghị định của chính phủ kì vọng hỗ trợ cho trái phiếu doanh nghiệp và các doanh nghiệp bất động sản:

Nghị định	Nội dung chính
08/2023/NĐ-CP	<ul style="list-style-type: none">Cho phép thanh toán trái phiếu đến hạn bằng tài sản khácCho phép gia hạn thanh toán lãi, gốc trái phiếu thêm 2 nămHoãn quy định về xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp
1123/QĐ-NHNN	<ul style="list-style-type: none">Lãi suất tái chiết khấu giảm từ mức 3,5%/năm xuống 3,0%/nămLãi suất tái cấp vốn giảm từ mức 5,0%/năm xuống 4,5%/năm
Dự thảo sửa đổi Thông tư 16/2021/TT-NHNN	<ul style="list-style-type: none">Quy định về việc tổ chức tín dụng mua, bán trái phiếu doanh nghiệp

2. Kế hoạch hoạt động của Quỹ

- Tăng trưởng tín dụng đến 20/6 đạt 3,58%, (cùng thời điểm năm trước tăng 8,51%).
- Tỷ giá ổn định, thanh khoản hệ thống tổ chức tín dụng đáp ứng nhu cầu thanh toán, chi trả của nền kinh tế.
- Nâng tỷ trọng trái phiếu với những tiêu chí:
 - Tránh những tổ chức phát hành có rủi ro về chính trị
 - Tránh những tổ chức phát hành là bất động sản, trừ trường hợp đặc biệt sau khi phân tích kỹ dòng tiền của doanh nghiệp
 - Tập trung tổ chức phát hành có dòng tiền tốt và nợ ít
 - Có mức lãi suất tốt phù hợp với thang điểm đánh giá nội bộ của VCAM

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN KHÁC

Thông tin về từng nhân sự điều hành quỹ, Ban Đại diện Quỹ và Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đã được trình bày đầy đủ tại Bản cáo bạch của Quỹ.



Ông Đàm Phước Hợp
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH ("Quỹ", tên viết tắt: VCAM-NH VABF, tên cũ: Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt – VCAMFI) cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Điều lệ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

c) Phát hành và mua lại Chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

d) Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Võ Trí Thanh

Trưởng Trung tâm Dịch vụ Khách hàng

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT



Vũ Trường Sơn

Số tham chiếu: 13169814/67559390-SX

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các nhà đầu tư của Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH (tên gọi trước đây là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt) (“Quỹ”) được lập ngày 14 tháng 8 năm 2023 và được trình bày từ trang 14 đến trang 54, bao gồm báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ, báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo thu nhập giữa niên độ, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt là Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ và danh mục đầu tư giữa niên độ của Quý vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Phương Nga

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0763-2019-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

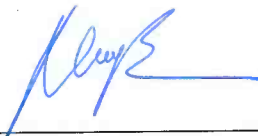
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

B01g-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND
01	I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		6.486.819.462
02	1.1 Cổ tức, trái tức được chia	12	2.936.988.628
03	1.2 Tiền lãi được nhận	12	3.392.471.474
04	1.3 Lãi bán các khoản đầu tư	13	106.113.211
05	1.4 Chênh lệch tăng/(giảm) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	51.176.969
08	1.7 Doanh thu khác về đầu tư		69.180
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ		11.812.985
11	2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	14	11.812.985
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ		1.205.979.027
20.1	3.1 Phí quản lý Quỹ mở	22.1	769.674.046
20.2	3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở	15	90.511.377
20.3	3.3 Phí dịch vụ giám sát	22.2	46.200.000
20.4	3.4 Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở	22.2	99.000.000
20.5	3.5 Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng		79.200.000
20.8	3.6 Chi phí kiểm toán		59.506.851
20.10	3.7 Chi phí hoạt động khác	16	61.886.753
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		5.269.027.450
30	V. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		5.269.027.450
31	6.1 Lợi nhuận đã thực hiện		5.217.850.481
32	6.2 Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện	5	51.176.969
40	VI. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")		-
41	VII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		5.269.027.450

Ghi chú: Do Quỹ mới được thành lập từ ngày 22 tháng 9 năm 2022 nên không có số liệu kỳ trước.



Bà Nguyễn Thị Nhung
Kế toán quỹ



Bà Khúc Thị Kiều
Kế toán Trưởng




Ông Phạm Phú Hợp
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

B02g-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
100	I. TÀI SẢN			
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	4	11.027.385.779	35.301.202.963
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở		11.027.385.779	10.114.469.242
112	1.2 Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng		-	25.186.733.721
120	2. Các khoản đầu tư thuần		142.969.175.531	115.123.843.117
121	2.1 Các khoản đầu tư	5	142.969.175.531	115.123.843.117
130	3. Các khoản phải thu		4.789.523.829	2.036.789.027
133	3.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		4.789.523.829	2.036.789.027
136	3.1.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	6	4.789.523.829	2.036.789.027
100	TỔNG TÀI SẢN		158.786.085.139	152.461.835.107
300	II. NỢ PHẢI TRẢ			
313	1. Phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ		2.631.237	-
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		901.997	900.000
316	3. Chi phí phải trả	7	83.806.851	84.300.000
317	4. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	8	5.000.187	187
319	5. Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	9	182.284.677	181.204.729
320	6. Phải trả, phải nộp khác		4.958.885	5.000.000
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		279.583.834	271.404.916
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ		158.506.501.305	152.190.430.191
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư		151.584.567.400	150.569.439.800
412	1.1 Vốn góp phát hành	10	151.598.182.000	150.576.039.800
413	1.2 Vốn góp mua lại	10	(13.614.600)	(6.600.000)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư	10	(6.233.342)	(38.149.406)
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	11	6.928.167.247	1.659.139.797
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 CHỨNG CHỈ QUỸ	10	10.456,63	10.107,65

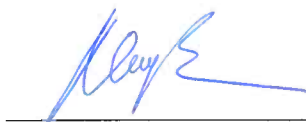
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023


B02g-QM

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
004	1. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	18	15.158.456,74	15.056.943,98



Bà Nguyễn Thị Nhung
Kế toán quỹ



Bà Khúc Thị Kiều
Kế toán Trưởng



Ông Phạm Rho Hop
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2023


Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH


BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ
GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

B03g-QM

STT	CHỈ TIÊU	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND
I	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở (“NAV”) đầu kỳ	152.190.430.191
II	Thay đổi NAV trong kỳ	5.269.027.450
II.1	<i>Trong đó:</i> - Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong kỳ	5.269.027.450
III	Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ	1.047.043.664
III.1	<i>Trong đó:</i> - Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ	1.054.302.000
III.2	- Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ	(7.258.336)
IV	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối kỳ	158.506.501.305

Ghi chú: Do Quỹ mới được thành lập từ ngày 22 tháng 9 năm 2022 nên không có số liệu kỳ trước.


Bà Nguyễn Thị Nhung
Kế toán quỹ


Bà Khúc Thị Kiều
Kế toán Trưởng


Ông Phạm Phú Hợp
Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2023


Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

B04g-QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (%)
I	Trái phiếu			68.269.175.531	42,99
1	Trái phiếu niêm yết			58.995.868.288	37,15
1.1	- CTG121030	150.000	100.000,027	15.000.004.110	9,45
1.2	- MSN121013	100.000	101.216,169	10.121.616.865	6,37
1.3	- TNG122017	70.000	98.766,247	6.913.637.260	4,35
1.4	- VHM121024	50.000	99.999,562	4.999.978.082	3,15
1.5	- CTD122015	5	999.815.726,000	4.999.078.630	3,15
1.6	- GEG121022	49.700	100.000,288	4.970.014.330	3,13
1.7	- SBT121002	50.000	98.691,244	4.934.562.192	3,11
1.8	- MSN120007	32.990	95.563,329	3.152.634.216	1,99
1.9	- CII121029	30.000	96.422,466	2.892.673.973	1,81
1.10	- MSN121015	10.000	101.166,863	1.011.668.630	0,64
2	Trái phiếu chưa niêm yết			9.273.307.243	5,84
2.1	Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (PC1H2227001)	60	99.999.548	5.999.972.887	3,78
2.2	CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt (PDRH2123002)	32	102.291.699	3.273.334.356	2,06
II	Các tài sản khác			4.789.523.829	3,02
1	Dự thu lãi trái phiếu			2.387.951.852	1,50
2	Dự thu lãi chứng chỉ tiền gửi			574.849.272	0,36
3	Dự thu lãi tiền gửi			1.826.722.705	1,16
III	Tiền			85.727.385.779	53,99
1	Tiền gửi ngân hàng			75.727.385.779	47,69
1.1	- Tiền gửi thanh toán			11.027.385.779	6,94
1.2	- Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng			64.700.000.000	40,75
2	Chứng chỉ tiền gửi			10.000.000.000	6,30
IV	Tổng giá trị danh mục			158.786.085.139	100,00


Bà Nguyễn Thị Nhung
Kế toán quỹ


Bà Khúc Thị Kiều
Kế toán Trưởng



Ông Phạm Phú Hợp
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
 cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

B05g-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
01	1. Lợi nhuận trước thuế TNDN		5.269.027.450
02	2. Điều chỉnh cho các khoản (giảm)/ tăng giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư		(51.670.118)
	<i>Trong đó:</i>		
03	(Lãi)/lỗ đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	(51.176.969)
04	Chi phí trích trước		(493.149)
05	3. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		5.217.357.332
20	Tăng các khoản đầu tư		(27.794.155.445)
07	Tăng dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		(2.752.734.802)
11	Tăng phải trả các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ		2.631.237
13	Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		1.997
14	Tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ		5.000.000
15	(Giảm)/tăng phải trả, phải nộp khác		(41.115)
17	Tăng phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở		1.079.948
19	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(25.320.860.848)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
31	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ	10	1.054.302.000
32	2. Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ	10	(7.258.336)
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.047.043.664
40	III. Giảm tiền thuần trong kỳ		(24.273.817.184)


Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

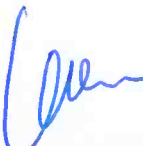
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

B05g-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND
50	IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		35.301.202.963
51	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:		35.301.202.963
52	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ mở		35.301.202.963
	Trong đó:		
	- Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ	4	10.114.469.242
	- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba (3) tháng	4	25.186.733.721
55	V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ		11.027.385.779
56	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:		11.027.385.779
57	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ mở		11.022.385.779
	Trong đó:		
	- Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ	4	11.022.385.779
	- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba (3) tháng	4	-
58	Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ		5.000.000
60	VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong kỳ		(24.273.817.184)

Ghi chú: Do Quỹ mới được thành lập từ ngày 22 tháng 9 năm 2022 nên không có số liệu kỳ trước.


 Bà Nguyễn Thị Nhung
 Kế toán quỹ


 Bà Khúc Thị Kiều
 Kế toán Trưởng




 Ông Phạm Phú Hòp
 Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 Thông tin về Quỹ

Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH (tên gọi trước đây là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt) ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 149/GCN-UBCK ngày 1 tháng 6 năm 2022, Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 51/GCN-UBCK ngày 22 tháng 9 năm 2022 và Giấy chứng nhận điều chỉnh số 40/GCN/UBCK ngày 2 tháng 3 năm 2023 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt ("Công ty Quản lý Quỹ").

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt, Tầng 5, Tòa nhà HM, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam. Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 08/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 10 năm 2006 và Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 11/GPĐC-UBCK ngày 25 tháng 1 năm 2022 và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

Quy mô vốn

Theo giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ, tổng số vốn huy động tối thiểu của Quỹ là 50.000.000.000 đồng, tương đương với 5.000.000 chứng chỉ Quỹ. Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 12.566.188,87 chứng chỉ với tổng giá trị là 125.661.888.700 đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 151.584.567.400 đồng, tương đương với 15.158.456,74 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư chủ yếu vào các loại trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ, tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ 80% giá trị tài sản ròng trở lên.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ có thể được thay đổi tùy theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam và được báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Chiến lược đầu tư

Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản theo chiến lược đầu tư phòng thủ hoặc tăng trưởng tùy thuộc vào cơ hội đầu tư sẵn có tại các thời điểm khác nhau. Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi đáng kể tùy thuộc vào nhận định của Công ty Quản lý Quỹ, với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động là bảo vệ lợi ích của Nhà đầu tư.

Quỹ áp dụng phương thức đầu tư đi từ trên xuống "Top-Down Approach", trong đó việc đầu tư và phân bổ trái phiếu sẽ dựa trên những đánh giá tổng thể xu thế của kinh tế vĩ mô, chính sách của nhà nước, ngành hưởng lợi cũng như tiềm năng sinh lời và an toàn tín dụng của tổ chức phát hành.

Quỹ cũng sử dụng phương pháp tiếp cận đầu tư đi từ dưới lên "Bottom-Up Approach" trong việc lựa chọn từng trái phiếu cụ thể thông qua việc đánh giá đơn vị phát hành và các diễn biến riêng lẻ của các trái phiếu này trước tác động của khuynh hướng thị trường.

Kỳ tính giá trị tài sản ròng ("NAV")

NAV của Quỹ được xác định hàng ngày và cuối tháng. Ngày định giá là ngày làm việc trong tuần (với kỳ định giá hàng ngày) và là ngày làm việc đầu tiên của tháng tiếp theo (với kỳ định giá hàng tháng).

Trong trường hợp ngày định giá của kỳ định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó.

Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ

Chứng chỉ quỹ được giao dịch hằng ngày từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần. Ngày giao dịch sẽ không bao gồm các ngày nghỉ lễ, kể cả ngày nghỉ bù theo quy định của pháp luật. Việc thay đổi tần suất giao dịch sẽ được Đại hội Nhà đầu tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.

Hạn chế đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng được các điều kiện của pháp luật. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc sau:

- a) Quỹ sẽ đầu tư vào các loại trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ, tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ tám mươi phần trăm (80%) giá trị tài sản ròng trở lên;
- b) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- c) Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) dưới đây của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ:
 - i. Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - ii. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- d) Không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản dưới đây được phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phải sinh tính bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại phụ lục số 14 ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC hướng dẫn về hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán:
- Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
 - Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
 - Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành. Việc đầu tư vào các tài sản này phải được Ban Đại Diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; và có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
 - Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ
- e) Không được đầu tư quá 10% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tài sản là cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;
- f) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- g) Không được đầu tư vào chứng chỉ quỹ của chính Quỹ đó;
- h) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
- Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- i) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
- j) Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng; công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật được phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư được quy định tại điểm (b), (c), (d), (e) và (h) và chỉ do các nguyên nhân sau:

- a) Biến động giá trên thị trường của các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- b) Thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của Nhà đầu tư;
- c) Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành ;
- d) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh; hoặc
- e) Quỹ đang trong thời gian giải thể.

Trong trường hợp xảy ra sai lệch so với các hạn mức đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ sẽ điều chỉnh danh mục đầu tư để đáp ứng các hạn mức đầu tư như được quy định trong vòng ba (3) tháng kể từ ngày có sai lệch phát sinh.

Trong trường hợp sai lệch là do Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ quỹ, Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày phát hiện sai lệch và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ được lập theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở được quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ("Thông tư 198") ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 98/2020/TT-BTC ("Thông tư 98") ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục do Bộ Tài chính ban hành.

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở giá gốc, ngoại trừ các khoản đầu tư được đo lường theo giá trị hợp lý (*Thuyết minh 3.3*).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa, không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, danh mục đầu tư giữa niên độ, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng giữa niên độ, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.1. Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng (tiếp theo)

Theo Thông tư 198, báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập giữa niên độ
2. Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ
4. Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ
6. Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký Chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán đầu tiên của Quỹ bắt đầu từ ngày 22 tháng 9 năm 2022 (ngày thành lập) và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Các kỳ kế toán năm của Quỹ áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho giai đoạn 6 tháng từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 được lập nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 là kỳ kế toán giữa niên độ đầu tiên của Quỹ.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Quỹ là đồng Việt Nam ("VND").

2.5 Cam kết tuân thủ

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở yêu cầu Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ, tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ chờ phân bổ, tiền gửi phong tỏa và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có thời hạn đáo hạn không quá ba (3) tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là mục đích khác.

3.3 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ bao gồm các khoản đầu tư vào các trái phiếu niêm yết, trái phiếu chưa niêm yết, tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng và chứng chỉ tiền gửi.

Nguyên tắc phân loại

Quỹ phân loại chứng khoán niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các chi phí liên quan phát sinh để có được các khoản đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi ngân hàng, giá mua chưa bao gồm lãi dự thu (giá sạch) được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư". Phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận trên khoản mục "Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận" trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ theo nguyên tắc như sau:

- ▶ Chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng được ghi nhận theo giá trị hợp lý;
- ▶ Chứng khoán niêm yết, chưa niêm yết và các tài sản khác được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản này.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập giữa niên độ.

Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục "Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Định giá lại cho mục đích tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sổ tay Định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt. Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập giữa niên độ theo quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở.

Nguyên tắc định giá

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt của Quỹ tại ngày trước Ngày Định Giá.
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá hiện hành tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam tại ngày trước Ngày Định Giá.
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán theo hợp đồng tính tới ngày trước Ngày Định Giá.
4.	Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, và các công cụ thị trường tiền tệ khác.	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá.
5.	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch Chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban Đại diện Quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Trái phiếu		
6.	Trái phiếu niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Giá yết bình quân (giá sạch) trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch Chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá cộng lãi lũy kế. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá hoặc chỉ có giao dịch với giá trái phiếu có biến động bất thường (*), giá trái phiếu được sử dụng để định giá theo thứ tự ưu tiên sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá sạch của kỳ định giá gần nhất nhưng không quá 30 ngày tính đến Ngày định giá cộng lãi lũy kế; + Giá mua (giá sạch) cộng lãi lũy kế; + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; + Giá xác định theo phương pháp được trình Ban đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban đại diện Quỹ chấp thuận. <p><i>Ghi chú:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> (*) Giá trái phiếu (giá sạch) có biến động bất thường là giá thị trường có biến động tăng hoặc giảm lớn hơn 1% so với giá trái phiếu của kỳ định giá gần nhất hoặc so với giá mua (giá sạch) nếu không có giá của kỳ định giá gần nhất. - Trường hợp trái phiếu bị hủy niêm yết để chờ đảo hạn hoặc không có đủ điều kiện niêm yết thì giá trái phiếu được sử dụng để định giá bằng mệnh giá cộng lãi lũy kế.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Trái phiếu (tiếp theo)		
7.	Trái phiếu không niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Giá yết (*) (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước Ngày định giá nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế; - Trong trường hợp không có giá yết trên hệ thống báo giá là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá mua cộng lãi lũy kế; + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; + Giá xác định theo phương pháp được trình Ban đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban đại diện Quỹ chấp thuận. <p><i>Ghi chú:</i></p> <p>(*) Trong trường hợp tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày định giá có nhiều hơn một giao dịch của trái phiếu cần định giá (dẫn đến có nhiều giá yết), giá sử dụng là bình quân của các giá yết đã thực hiện trong ngày đó.</p>
Cổ phiếu		
8.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, và Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống Upcom.	<ul style="list-style-type: none"> - Giá được xác định là Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch Chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá, giá được xác định là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch Chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất trong vòng ba mươi (30) ngày trước Ngày định giá; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá xác định theo phương pháp được trình Ban đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban đại diện Quỹ chấp thuận. - Cổ phiếu đã được chấp thuận niêm yết nhưng chưa có giao dịch đầu tiên trên Sở giao dịch Chứng khoán: giá được xác định là như định giá "<i>Cổ phần và phần vốn góp khác</i>" bên dưới.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Cổ phiếu (tiếp theo)		
8.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, và Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống Upcom. (tiếp theo)	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với Chứng chỉ quỹ niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh, từ thời điểm được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đến trước kỳ giao dịch đầu tiên trên Sở giao dịch: <ul style="list-style-type: none"> + Từ thời điểm Quỹ đại chúng được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đến trước kỳ định giá đầu tiên của Chứng chỉ quỹ đó, giá được xác định là Giá mua Chứng chỉ quỹ đó. + Từ kỳ định giá đầu tiên đến trước kỳ giao dịch đầu tiên của Chứng chỉ quỹ trên Sở giao dịch chứng khoán, giá được xác định là Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ tại Ngày định giá gần nhất của Quỹ.
9.	Cổ phiếu của công ty đại chúng đang thực hiện thủ tục chuyển sàn giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Trong thời gian công ty đại chúng đang thực hiện thủ tục chuyển sàn giao dịch, cổ phiếu được định giá theo giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày định giá.
10.	Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Giá trung bình dựa trên báo giá (giá của giao dịch thực hiện thành công tại Ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá) do tối thiểu 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan cung cấp; - Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 03 tổ chức báo giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá xác định theo phương pháp được trình Ban đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban đại diện Quỹ chấp thuận; hoặc + Giá trung bình dựa trên báo giá của 02 tổ chức cung cấp báo giá; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách.
11.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các giá sau: <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị sổ sách; hoặc - Mệnh giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp được trình Ban đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Cổ phiếu (tiếp theo)		
12.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau: - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước Ngày định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp được trình Ban đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.
13.	Cổ phần, phần vốn góp khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại Ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định là một trong các mức giá sau: - Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc - Giá trị sổ sách; hoặc - Giá xác định theo phương pháp được trình Ban đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.
Chứng khoán phái sinh		
14.	Chứng khoán phái sinh niêm yết có giao dịch	Chứng khoán phái sinh niêm yết có giao dịch trong vòng 15 ngày tính đến Ngày định giá, giá được xác định là Giá đóng cửa hoặc Giá thanh toán cuối ngày gần nhất trước Ngày định giá. Trường hợp Chứng khoán phái sinh niêm yết tại Ngày giao dịch cuối cùng và chuẩn bị hủy niêm yết, giá được xác định là Giá thanh toán cuối cùng do VSD xác định.
15.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá	Mức giá được xác định là một trong các mức giá sau: - Giá đóng cửa của tài sản/công cụ cơ sở; - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Các tài sản khác		
16.	Quyền mua chứng khoán	Quyền mua chứng khoán phát sinh từ các chứng khoán đang được nắm giữ bởi Quý được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán và kết quả hoạt động chưa thực hiện trong kỳ lập báo cáo tài chính. Giá trị của quyền mua chứng khoán được xác định là phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý (theo các phương pháp nêu trên) của chứng khoán tại ngày của báo cáo tài chính và số tiền thực trả để thực hiện quyền mua vào ngày thông báo thực hiện quyền mua, nhân với tỷ lệ thực hiện quyền.
17.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại Ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban đại diện Quý thông qua.

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quý đã không còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được tính theo phương pháp bình quân giá quyền tại ngày giao dịch.

3.4 Giá trị tài sản ròng và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ

Giá trị tài sản ròng của Quý tại ngày định giá được xác định bằng tổng giá trị các tài sản do Quý sở hữu trừ đi tổng nợ phải trả có liên quan (như giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ giám sát, giá dịch vụ lưu ký, giá dịch vụ quản trị quỹ, giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các khoản phải trả khác) tính đến ngày trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quý chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.5 Các giao dịch về vốn và thặng dư vốn

3.5.1 Vốn chủ sở hữu

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại.

Vốn góp phát hành phản ánh số vốn nhà đầu tư góp ban đầu và góp bổ sung. Khi Công ty Quản lý Quỹ nhận được kết quả giải tỏa phong tỏa về số tiền thu hợp lệ khoản góp vốn đầu tư và kết quả xác nhận vốn góp nhà đầu tư hợp lệ của đại lý chuyển nhượng (trường hợp phát hành lần đầu); giấy báo có của Ngân hàng Giám sát kèm bảng phân bổ tiền thu bán chứng chỉ quỹ về số tiền thu hợp lệ của các nhà đầu tư (trường hợp phát hành các lần tiếp theo), Công ty Quản lý Quỹ sử dụng để làm căn cứ ghi nhận vốn góp phát hành.

Vốn góp mua lại phản ánh việc mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư. Căn cứ vào xác nhận của đại lý chuyển nhượng kèm bảng tổng hợp các lệnh mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ ghi nhận vốn góp mua lại.

Chênh lệch giữa vốn góp phát hành và vốn góp mua lại chính là vốn góp của nhà đầu tư.

Thặng dư vốn bao gồm: thặng dư vốn phát hành và thặng dư vốn mua lại.

- ▶ Thặng dư vốn phát hành là chênh lệch giữa giá phát hành chứng chỉ quỹ và mệnh giá.
- ▶ Thặng dư vốn mua lại là chênh lệch giữa giá mua lại chứng chỉ quỹ và mệnh giá.

3.5.2 Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/lỗ chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ.

Lợi nhuận chưa thực hiện là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi và lỗ đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ.

Cuối kỳ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong kỳ và ghi nhận vào "*Lợi nhuận chưa phân phối*".

3.5.3 Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho nhà đầu tư

Khoản mục này phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối trong kỳ cho nhà đầu tư và việc kết chuyển số lợi nhuận đã phân phối sang tài khoản "*Lợi nhuận phân phối*" vào cuối kỳ.

Quỹ mở ghi nhận lợi nhuận/tài sản phân phối cho nhà đầu tư theo Bản cáo bạch, Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được ủy quyền (ở kỳ gần nhất), Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ mở và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ bán các khoản đầu tư, cổ tức, tiền lãi từ các khoản đầu tư và các khoản phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập trong kỳ. Trong đó, dự phòng liên quan đến phải thu bán chứng khoán được ghi nhận làm tăng chi phí trong kỳ, dự phòng liên quan đến cổ tức, trái tức và lãi tiền gửi được ghi nhận làm giảm thu nhập trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

3.7 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá gốc của các khoản phải trả cho hoạt động mua, mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban Đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và các khoản phải trả khác.

3.8 Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu như sau:

3.8.1 Giá dịch vụ quản lý quỹ

Theo quy định của Thông tư số 102/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2021 thì giá dịch vụ quản lý quỹ mà Quỹ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ tối đa là 2% giá trị tài sản ròng của Quỹ. Theo đó, giá dịch vụ quản lý quỹ là 1% (một phần trăm) một năm tính trên Giá trị tài sản ròng của Quỹ. Giá dịch vụ quản lý Quỹ được tính (trích lập) cho các Ngày định giá thực hiện trong tháng và được trả cho Công ty quản lý quỹ trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày cuối tháng để thực hiện các dịch vụ quản lý quỹ đầu tư cho Quỹ.

3.8.2 Giá dịch vụ quản trị quỹ

Giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,03% (không phải không ba phần trăm) một năm tính trên Giá trị tài sản ròng của Quỹ. Giá dịch vụ quản trị Quỹ được tính (trích lập) vào các ngày định giá thực hiện trong tháng và trả cho Ngân hàng giám sát hoặc ngân hàng lưu ký hàng tháng trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày cuối tháng để thực hiện các dịch vụ giám sát và lưu ký cho Quỹ. Giá dịch vụ quản trị quỹ chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Mức giá dịch vụ quản trị Quỹ tối thiểu là 15.000.000 (mười lăm triệu) Đồng Việt Nam/tháng.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.8 Các khoản chi phí (tiếp theo)

3.8.3 Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng cố định là 12.000.000 đồng một tháng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ lập danh sách thực hiện quyền là 1.000.000 đồng trên một lần lập danh sách. Giá có thể thay đổi theo thời điểm, được điều chỉnh và cập nhật cho Nhà đầu tư tại Bản cáo bạch căn cứ vào hợp đồng và các phụ lục sửa đổi bổ sung được ký kết giữa Công ty quản lý quỹ và Đại lý chuyển nhượng. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho đại lý chuyển nhượng.

3.8.4 Giá dịch vụ giám sát

Giá dịch vụ giám sát Quỹ là 0,02% (không phải không hai phần trăm) một năm tính trên Giá trị tài sản ròng của Quỹ. Giá dịch vụ giám sát Quỹ được tính (trích lập) vào các Ngày định giá thực hiện trong tháng và trả cho Ngân hàng giám sát hoặc ngân hàng lưu ký hàng tháng trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày cuối tháng để thực hiện các dịch vụ giám sát và lưu ký cho Quỹ. Giá dịch vụ giám sát quỹ chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Mức giá dịch vụ giám sát Quỹ tối thiểu là 7.000.000 Đồng Việt Nam/tháng.

3.8.5 Giá dịch vụ lưu ký

Giá dịch vụ lưu ký Quỹ là 0,06% (không phải không sáu phần trăm) một năm tính trên Giá trị tài sản ròng của Quỹ. Giá dịch vụ lưu ký được tính (trích lập) vào các Ngày định giá thực hiện trong tháng và trả cho Ngân hàng giám sát hoặc ngân hàng lưu ký hàng tháng trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày cuối tháng để thực hiện các dịch vụ giám sát và lưu ký cho Quỹ. Mức giá dịch vụ lưu ký Quỹ tối thiểu là 15.000.000 Đồng Việt Nam/tháng.

3.8.6 Giá dịch vụ giao dịch chứng khoán

Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá phí lưu ký xử lý hồ sơ đối với giao dịch cổ phiếu, trái phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tối thiểu là 100.000 đồng/ngày giao dịch và tối đa là 10.000.000 đồng/ngày giao dịch và công thức tính là 0,01% giá trị giao dịch. Đối với các giao dịch mua bán chứng khoán OTC và các tài sản khác thì mức phí dịch vụ giao dịch chứng khoán trả cho Ngân hàng Giám sát là 100.000 đồng/giao dịch.

3.9 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản cổ tức của Quỹ với tư cách là nhà đầu tư được xác lập.

Nhận cổ tức bằng cổ phiếu, Quỹ chỉ ghi nhận số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu được nhận.

Tiền lãi (bao gồm lãi tiền gửi, lãi chứng chỉ tiền gửi và lãi trái phiếu)

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập giữa niên độ khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch chứng khoán đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.10 Thuế

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế, Thông tư số 100/2004/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2004, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính, Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư, Công văn số 741/CCTQ3-TTHT ngày 26 tháng 5 năm 2022 về việc trả lời công văn số 22/2022/CV-VCAM ngày 22 tháng 4 năm 2022 của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Bản Việt về chính sách thuế.

Theo đó, khi Quỹ trả cổ tức cho các nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận được phân phối và kê khai, nộp thuế thay cho nhà đầu tư theo quy định của pháp luật Việt Nam (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật). Đối với các nhà đầu tư là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam, các nhà đầu tư này có trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành khi nhận lợi tức, và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật cho việc kê khai và nộp thuế trên thu nhập phát sinh. Đồng thời, khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân (không phân biệt cá nhân trong nước hay nước ngoài), Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% lợi nhuận được phân phối.

Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán bằng 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015, Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 và các thông tư sửa đổi, bổ sung do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty Quản lý Quỹ không giữ lại tiền thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập phát sinh từ giao dịch mua lại này.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.11 Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các Quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, các cổ đông của Công ty Quản lý Quỹ, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được xem là các bên liên quan với Quỹ. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không chỉ là hình thức pháp lý.

3.12 Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ theo định nghĩa trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính giữa niên độ này.

3.13 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính - Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Quỹ quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Quỹ bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, chứng khoán niêm yết, chưa niêm yết, chứng chỉ tiền gửi và các khoản đầu tư khác, các khoản phải thu và dự thu trái tức, tiền lãi các khoản đầu tư, và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Quỹ xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Quỹ bao gồm các khoản phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả, phải trả cho nhà đầu tư về mua và mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở và các khoản phải trả, phải nộp khác.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.13 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Công cụ tài chính - Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo giá gốc.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Quý có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

3.14 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về Chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở không được thể hiện trong báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

4. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Tiền gửi tại Ngân hàng Giám sát và Lưu ký cho hoạt động của Quỹ mở	11.022.385.779	10.114.469.242
Tiền gửi của nhà đầu tư về mua chứng chỉ Quỹ	5.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng bằng VND	-	25.186.733.721
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	20.186.733.721
- Ngân hàng TMCP Á Châu	-	5.000.000.000
	11.027.385.779	35.301.202.963

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Chênh lệch đánh giá lại				Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	Chênh lệch tăng/(giảm) thuần VND	Giá trị đánh giá lại VND
	Giá mua VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	Chênh lệch tăng/(giảm) thuần VND					
Ngày 30 tháng 6 năm 2023									
Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết (a)	58.945.351.371	51.940.701	(1.423.784)	58.995.868.288	50.516.917			58.995.868.288	
Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết (b)	9.273.307.243	-	-	9.273.307.243	-			9.273.307.243	
Chứng chỉ tiền gửi (c)	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000	-			10.000.000.000	
Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng (d)	64.700.000.000	-	-	64.700.000.000	-			64.700.000.000	
	142.918.658.614	51.940.701	(1.423.784)	142.969.175.531	50.516.917			142.969.175.531	
Ngày 31 tháng 12 năm 2022									
Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết	42.538.051.359	66.704.424	(67.364.476)	42.537.391.307	(660.052)			42.537.391.307	
Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	7.774.169.096	-	-	7.774.169.096	-			7.774.169.096	
Chứng chỉ tiền gửi	44.786.803.262	-	-	44.786.803.262	-			44.786.803.262	
Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng	20.025.479.452	-	-	20.025.479.452	-			20.025.479.452	
	115.124.503.169	66.704.424	(67.364.476)	115.123.843.117	(660.052)			115.123.843.117	
Ảnh hưởng từ chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư vào báo cáo thu nhập									
									51.176.969

- a) Trái phiếu do Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan, Công ty Cổ phần Thành Công - Biên Hòa, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam, Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons, Công ty Cổ phần Điện Gia Lai, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG, Công ty Cổ phần Vinhomes và Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ Tầng Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh phát hành có kỳ hạn từ 3 năm đến 8 năm, lãi suất từ 8,30%/năm đến 15,78%/năm, lãi trả định kỳ 3 tháng, 6 tháng hoặc 1 năm.
- b) Trái phiếu do Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt và Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 phát hành có kỳ hạn từ 2 năm đến 5 năm, lãi suất từ 10,70%/năm đến 15,00%/năm, lãi trả định kỳ 3 tháng/lần hoặc 12 tháng/lần.
- c) Chứng chỉ tiền gửi do Ngân hàng TMCP Bản Việt phát hành có kỳ hạn 9 tháng, lãi suất 7,80%/năm.
- d) Tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Bản Việt, Ngân hàng TMCP Tiên Phong, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, lãi suất từ 8,40%/năm đến 9,50%/năm.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

6. DỰ THU CÔ TỨC, TIỀN LÃI CHƯA ĐẾN NGÀY NHẬN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Dự thu tiền lãi từ trái phiếu	2.387.951.852	621.772.643
Dự thu tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	1.826.722.705	321.208.159
Dự thu tiền lãi từ chứng chỉ tiền gửi	574.849.272	1.093.808.225
	4.789.523.829	2.036.789.027

7. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Phí kiểm toán	59.506.851	60.000.000
Thù lao ban đại diện quỹ	24.300.000	24.300.000
	83.806.851	84.300.000

8. PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA CHỨNG CHỈ QUỸ

Đây là khoản phải trả cho nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ đang chờ hoàn thành thủ tục xác nhận sở hữu chứng chỉ quỹ.

9. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ MỞ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Phải trả phí dịch vụ quản lý quỹ	129.884.677	128.804.729
Phải trả phí dịch vụ quản trị quỹ	16.500.000	16.500.000
Phải trả phí dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	15.000.000	15.000.000
Phải trả phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	13.200.000	13.200.000
Phải trả phí dịch vụ giám sát	7.700.000	7.700.000
	182.284.677	181.204.729

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

10. TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>		
	<i>Số dư đầu kỳ VND</i>	<i>Phát sinh trong kỳ VND</i>	<i>Số dư cuối kỳ VND</i>
Vốn góp phát hành			
Số lượng (<i>chứng chỉ quỹ</i>)	15.057.603,98	102.214,22	15.159.818,20
Giá trị ghi theo mệnh giá	150.576.039.800	1.022.142.200	151.598.182.000
Thặng dư vốn	(38.151.125)	32.159.800	(5.991.325)
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	150.537.888.675	1.054.302.000	151.592.190.675
Vốn góp mua lại			
Số lượng (<i>chứng chỉ quỹ</i>)	(660,00)	(701,46)	(1.361,46)
Giá trị ghi theo mệnh giá	(6.600.000)	(7.014.600)	(13.614.600)
Thặng dư vốn	1.719	(243.736)	(242.017)
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	(6.598.281)	(7.258.336)	(13.856.617)
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	15.056.943,98	101.512,76	15.158.456,74
Giá trị vốn góp hiện hành	150.531.290.394	1.047.043.664	151.578.334.058
Lợi nhuận chưa phân phối	1.659.139.797	5.269.027.450	6.928.167.247
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	152.190.430.191		158.506.501.305
Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ	10.107,65		10.456,63

11. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>
Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ	1.659.139.797
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	5.269.027.450
Trong đó:	
- Lợi nhuận đã thực hiện	5.217.850.481
- Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện	51.176.969
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	6.928.167.247

Ghi chú: Do Quỹ mới được thành lập từ ngày 22 tháng 9 năm 2022 nên không có số liệu kỳ trước.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

12. CỐ TỨC ĐƯỢC CHIA VÀ TIỀN LÃI ĐƯỢC NHẬN

Cho kỳ kế toán
 sáu tháng kết thúc
 ngày 30 tháng 6
 năm 2023
 VND

Tiền lãi từ trái phiếu	2.936.988.628
Tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	2.738.370.794
Tiền lãi từ chứng chỉ tiền gửi	644.383.513
Tiền lãi từ tiền gửi không kỳ hạn	9.717.167
	6.329.460.102

Ghi chú: Do Quỹ mới được thành lập từ ngày 22 tháng 9 năm 2022 nên không có số liệu kỳ trước.

13. LÃI BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc
 ngày 30 tháng 6 năm 2023

	Tổng giá trị bán/ đáo hạn trong kỳ VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán trong kỳ VND
Trái phiếu niêm yết	21.435.700.000	21.441.948.787	(6.248.787)
Trái phiếu chưa niêm yết	4.400.000.000	4.500.834.740	(100.834.740)
Chứng chỉ tiền gửi	35.000.000.000	34.786.803.262	213.196.738
	60.835.700.000	60.729.586.789	106.113.211

Ghi chú: Do Quỹ mới được thành lập từ ngày 22 tháng 9 năm 2022 nên không có số liệu kỳ trước.

14. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Cho kỳ kế toán sáu
 tháng kết thúc
 ngày 30 tháng 6
 năm 2023
 VND

Chi phí giao dịch mua các khoản đầu tư	7.741.990
Giá dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	4.070.995
Chi phí giao dịch bán các khoản đầu tư	-
	11.812.985

Ghi chú: Do Quỹ mới được thành lập từ ngày 22 tháng 9 năm 2022 nên không có số liệu kỳ trước.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

14. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023, giao dịch của Quỹ thực hiện qua các công ty chứng khoán sau:

STT	Tên công ty chứng khoán	Quan hệ với Công ty Quản lý Quỹ	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua từng công ty chứng khoán		Phí giao dịch bình quân	Phí giao dịch bình quân trên thị trường (%)	
			Giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ VND	Tổng giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ (*) VND			Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua công ty chứng khoán trong kỳ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4)/(5)	(7)	(8)
1	Công ty cổ phần chứng khoán ASAM	Không liên quan	28.441.304.700	38.709.950.590	73,47	0,02	0,00 - 0,45
2	Công ty cổ phần chứng khoán Rồng Việt	Không liên quan	10.268.645.890	38.709.950.590	26,53	0,02	0,00 - 0,45
Tổng			38.709.950.590	38.709.950.590	100,00		

(*) Tổng giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ có tính đến toàn bộ giao dịch của trái phiếu niêm yết.

Ghi chú: Do Quỹ mới được thành lập từ ngày 22 tháng 9 năm 2022 nên không có số liệu kỳ trước.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

15. PHÍ DỊCH VỤ LƯU KÝ TÀI SẢN QUỸ MỜ

Cho kỳ kế toán sáu
tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6
năm 2023
VND

Giá dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	90.000.000
Giá dịch vụ lưu ký cho chứng khoán cơ sở phải trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam	511.377
	90.511.377

Ghi chú: Do Quỹ mới được thành lập từ ngày 22 tháng 9 năm 2022 nên không có số liệu kỳ trước.

16. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

Cho kỳ kế toán sáu
tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6
năm 2023
VND

Thù lao Ban Đại diện Quỹ	54.000.000
Phí quản lý thường niên trả Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	4.958.885
Phí ngân hàng	2.817.868
Chi phí khác	110.000
	61.886.753

Ghi chú: Do Quỹ mới được thành lập từ ngày 22 tháng 9 năm 2022 nên không có số liệu kỳ trước.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

17. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023:

<i>STT</i>	<i>Ngày định giá</i>	<i>NAV VND</i>	<i>Số lượng chứng chỉ quỹ</i>	<i>NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VND</i>	<i>Tăng/(giảm) NAV/ đơn vị quỹ VND</i>
1	31-12-22	152.190.430.191	15.056.943,98	10.107,65	-
2	02-01-23	152.236.217.688	15.056.943,98	10.110,69	3,04
3	03-01-23	152.210.642.268	15.056.943,98	10.108,99	(1,70)
4	04-01-23	152.221.752.492	15.056.943,98	10.109,73	0,74
5	05-01-23	152.245.786.332	15.056.943,98	10.111,33	1,60
6	08-01-23	152.299.672.864	15.056.943,98	10.114,91	3,58
7	09-01-23	152.313.022.777	15.056.943,98	10.115,79	0,88
8	10-01-23	152.310.399.536	15.056.943,98	10.115,62	(0,17)
9	11-01-23	152.416.340.084	15.056.943,98	10.122,66	7,04
10	12-01-23	152.424.207.870	15.056.943,98	10.123,18	0,52
11	15-01-23	152.505.325.043	15.056.943,98	10.128,57	5,39
12	16-01-23	152.550.483.303	15.056.943,98	10.131,57	3,00
13	17-01-23	152.710.129.183	15.056.943,98	10.142,17	10,60
14	18-01-23	152.756.352.744	15.056.943,98	10.145,24	3,07
15	25-01-23	152.901.997.195	15.056.943,98	10.154,91	9,67
16	26-01-23	152.927.293.941	15.056.943,98	10.156,59	1,68
17	29-01-23	153.202.881.033	15.056.943,98	10.174,89	18,30
18	30-01-23	153.132.121.429	15.056.943,98	10.170,19	(4,70)
19	31-01-23	153.124.467.272	15.056.943,98	10.169,69	(0,50)
20	01-02-23	153.111.086.917	15.056.943,98	10.168,80	(0,89)
21	02-02-23	153.256.528.375	15.056.943,98	10.178,46	9,66
22	05-02-23	153.353.005.741	15.056.943,98	10.184,86	6,40
23	06-02-23	153.376.679.012	15.056.943,98	10.186,44	1,58
24	07-02-23	153.403.257.616	15.056.943,98	10.188,20	1,76
25	08-02-23	153.402.460.381	15.056.943,98	10.188,15	(0,05)
26	09-02-23	153.456.443.331	15.056.943,98	10.191,73	3,58
27	12-02-23	153.532.108.411	15.056.943,98	10.196,76	5,03
28	13-02-23	153.560.117.037	15.056.943,98	10.198,62	1,86
29	14-02-23	153.592.116.583	15.056.943,98	10.200,74	2,12
30	15-02-23	153.599.924.407	15.056.943,98	10.201,26	0,52
31	16-02-23	153.597.382.207	15.056.943,98	10.201,09	(0,17)
32	19-02-23	153.617.571.112	15.056.943,98	10.202,44	1,35
33	20-02-23	153.718.498.004	15.056.943,98	10.209,14	6,70
34	21-02-23	153.723.639.562	15.056.943,98	10.209,48	0,34
35	22-02-23	153.768.432.003	15.056.943,98	10.212,45	2,97
36	23-02-23	153.777.166.114	15.056.943,98	10.213,03	0,58
37	26-02-23	153.856.785.196	15.056.943,98	10.218,32	5,29
38	27-02-23	153.865.642.948	15.056.943,98	10.218,91	0,59
39	28-02-23	153.888.234.159	15.056.943,98	10.220,41	1,50
40	01-03-23	153.918.795.285	15.056.943,98	10.222,44	2,03
41	02-03-23	153.935.611.463	15.056.943,98	10.223,56	1,12
42	05-03-23	154.000.245.952	15.056.943,98	10.227,85	4,29
43	06-03-23	154.061.154.966	15.056.943,98	10.231,90	4,05
44	07-03-23	154.049.601.617	15.056.943,98	10.231,13	(0,77)
45	08-03-23	154.032.150.157	15.056.943,98	10.229,97	(1,16)
46	09-03-23	154.109.552.353	15.056.943,98	10.235,11	5,14
47	12-03-23	154.187.992.708	15.056.943,98	10.240,32	5,21
48	13-03-23	154.193.909.191	15.056.943,98	10.240,71	0,39

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

17. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo):

STT	Ngày định giá	NAV VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/ đơn vị quỹ VND
49	14-03-23	154.124.941.065	15.056.943,98	10.236,13	(4,58)
50	15-03-23	154.252.753.510	15.056.943,98	10.244,62	8,49
51	16-03-23	154.263.209.284	15.056.943,98	10.245,31	0,69
52	19-03-23	154.370.721.621	15.056.943,98	10.252,46	7,15
53	20-03-23	154.431.367.319	15.056.943,98	10.256,48	4,02
54	21-03-23	154.412.768.921	15.056.943,98	10.255,25	(1,23)
55	22-03-23	154.413.288.865	15.056.943,98	10.255,28	0,03
56	23-03-23	154.480.738.690	15.056.943,98	10.259,76	4,48
57	26-03-23	154.532.661.381	15.056.943,98	10.263,21	3,45
58	27-03-23	154.602.547.480	15.056.943,98	10.267,85	4,64
59	28-03-23	154.646.917.190	15.056.943,98	10.270,80	2,95
60	29-03-23	154.680.969.306	15.056.943,98	10.273,06	2,26
61	30-03-23	154.718.478.639	15.056.943,98	10.275,55	2,49
62	31-03-23	154.716.225.064	15.056.943,98	10.275,40	(0,15)
63	02-04-23	154.773.696.238	15.056.943,98	10.279,22	3,82
64	03-04-23	154.807.630.298	15.056.943,98	10.281,47	2,25
65	04-04-23	154.894.735.848	15.057.137,52	10.287,13	5,66
66	05-04-23	154.843.002.112	15.057.234,23	10.283,62	(3,51)
67	06-04-23	154.840.072.934	15.057.234,23	10.283,43	(0,19)
68	09-04-23	154.935.306.203	15.057.814,77	10.289,36	5,93
69	10-04-23	155.009.345.640	15.057.911,47	10.294,21	4,85
70	11-04-23	155.046.797.004	15.058.588,05	10.296,23	2,02
71	12-04-23	155.072.047.254	15.058.829,63	10.297,74	1,51
72	13-04-23	155.149.950.745	15.058.829,63	10.302,92	5,18
73	16-04-23	155.150.654.755	15.058.829,63	10.302,96	0,04
74	17-04-23	155.276.552.894	15.058.829,63	10.311,32	8,36
75	18-04-23	155.288.206.479	15.058.926,12	10.312,03	0,71
76	19-04-23	155.305.723.035	15.058.916,12	10.313,20	1,17
77	20-04-23	156.334.938.210	15.155.394,41	10.315,46	2,26
78	23-04-23	156.405.106.757	15.155.280,23	10.320,17	4,71
79	24-04-23	156.448.674.537	15.155.569,46	10.322,85	2,68
80	25-04-23	156.451.618.753	15.155.569,46	10.323,04	0,19
81	26-04-23	156.471.582.908	15.155.665,84	10.324,29	1,25
82	27-04-23	156.512.232.115	15.155.665,84	10.326,97	2,68
83	30-04-23	156.534.714.615	15.156.147,58	10.328,13	1,16
84	03-05-23	156.629.579.044	15.156.147,58	10.334,39	6,26
85	04-05-23	156.739.022.705	15.156.147,58	10.341,61	7,22
86	07-05-23	156.817.437.157	15.156.493,94	10.346,55	4,94
87	08-05-23	156.849.125.230	15.156.493,94	10.348,64	2,09
88	09-05-23	156.909.718.667	15.156.493,94	10.352,63	3,99
89	10-05-23	156.922.160.998	15.156.590,05	10.353,39	0,76
90	11-05-23	157.010.057.624	15.156.782,25	10.359,06	5,67
91	14-05-23	157.085.802.593	15.156.974,35	10.363,92	4,86
92	15-05-23	157.118.542.538	15.156.974,35	10.366,08	2,16
93	16-05-23	157.137.505.963	15.156.974,35	10.367,33	1,25
94	17-05-23	157.060.534.643	15.156.974,35	10.362,26	(5,07)
95	18-05-23	157.054.511.176	15.156.974,35	10.361,86	(0,40)
96	21-05-23	157.162.066.676	15.156.974,35	10.368,96	7,10
97	22-05-23	157.175.630.787	15.156.974,35	10.369,85	0,89

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

17. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo):

STT	Ngày định giá	NAV VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/ đơn vị quỹ VND
98	23-05-23	157.150.960.013	15.156.974,35	10.368,22	(1,63)
99	24-05-23	157.188.448.036	15.157.454,18	10.370,37	2,15
100	25-05-23	157.218.893.474	15.157.454,18	10.372,38	2,01
101	28-05-23	157.266.888.780	15.157.454,18	10.375,54	3,16
102	29-05-23	157.306.251.836	15.157.454,18	10.378,14	2,60
103	30-05-23	157.379.187.853	15.157.645,92	10.382,82	4,68
104	31-05-23	157.427.369.363	15.157.645,92	10.386,00	3,18
105	01-06-23	157.490.384.373	15.157.741,72	10.390,09	4,09
106	04-06-23	157.592.776.714	15.157.741,72	10.396,85	6,76
107	05-06-23	157.692.869.830	15.157.741,72	10.403,45	6,60
108	06-06-23	157.718.696.815	15.157.741,72	10.405,15	1,70
109	07-06-23	157.745.466.436	15.157.741,72	10.406,92	1,77
110	08-06-23	157.775.717.728	15.158.076,33	10.408,69	1,77
111	11-06-23	157.855.816.261	15.158.076,33	10.413,97	5,28
112	12-06-23	157.890.929.563	15.158.076,33	10.416,29	2,32
113	13-06-23	157.914.958.168	15.157.980,28	10.417,94	1,65
114	14-06-23	157.941.722.412	15.157.980,28	10.419,70	1,76
115	15-06-23	157.964.152.957	15.157.980,28	10.421,18	1,48
116	18-06-23	158.042.370.813	15.157.980,28	10.426,34	5,16
117	19-06-23	158.074.730.333	15.158.075,71	10.428,41	2,07
118	20-06-23	158.104.809.659	15.158.171,12	10.430,33	1,92
119	21-06-23	158.123.504.634	15.158.171,12	10.431,56	1,23
120	22-06-23	158.265.795.369	15.158.266,50	10.440,89	9,33
121	25-06-23	158.368.086.031	15.158.266,50	10.447,63	6,74
122	26-06-23	158.398.671.506	15.158.266,50	10.449,65	2,02
123	27-06-23	158.381.388.168	15.158.456,74	10.448,38	(1,27)
124	28-06-23	158.442.387.752	15.158.456,74	10.452,40	4,02
125	29-06-23	158.476.566.267	15.158.456,74	10.454,66	2,26
126	30-06-23	158.506.501.305	15.158.456,74	10.456,63	1,97

Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ 155.264.106.894

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ - mức cao nhất 18,30

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ - mức thấp nhất 0,03

Ghi chú: Do Quỹ mới được thành lập từ ngày 22 tháng 9 năm 2022 nên không có số liệu kỳ trước.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

18. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành

Chi tiết theo thời gian số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành:

	<u>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</u>	<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</u>
Số lượng Chứng chỉ quỹ lưu hành dưới 1 năm	15.158.456,74	15.056.943,98

19. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ MỞ

*Cho kỳ kế toán
sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6
năm 2023
(%)*

Tỷ lệ chi phí hoạt động	1,57
Tốc độ vòng quay danh mục	31,08

Ghi chú: Do Quỹ mới được thành lập từ ngày 22 tháng 9 năm 2022 nên không có số liệu kỳ trước.

19.1 Tỷ lệ chi phí hoạt động

Tỷ lệ chi phí hoạt động là tỷ lệ đánh giá chi phí hoạt động của Quỹ tính cho một đơn vị giá trị tài sản ròng. Tại ngày kết thúc báo cáo tài chính bán niên, tỷ lệ này sẽ được tính toán cho 12 tháng bằng cách nhân tỷ lệ của kỳ kế toán sáu tháng với bội số 2.

Tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động} * 100 (\%)}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong kỳ}}$$

19.2 Tốc độ vòng quay danh mục

Tốc độ vòng quay danh mục là số quay vòng tài sản đầu tư của Quỹ trong một (1) năm. Tại ngày kết thúc báo cáo tài chính bán niên, tỷ lệ này sẽ được tính toán cho 12 tháng bằng cách nhân tỷ lệ của kỳ kế toán sáu tháng với bội số 2.

Tốc độ vòng quay danh mục được xác định theo công thức:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua trong kỳ} + \text{Tổng giá trị bán trong kỳ})/2 * 100 (\%)}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong kỳ}}$$

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

20. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quý có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động của Quý. Quý cũng đã được Công ty Quản lý Quỹ xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

20.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư chứng khoán.

(i) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quý chủ yếu liên quan đến tiền gửi ngân hàng, trái phiếu doanh nghiệp và chứng chỉ tiền gửi. Những tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quý nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quý và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty Quản lý Quỹ tin rằng rủi ro lãi suất không có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động của Quý. Quý không áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy đối với lãi suất do danh mục đầu tư của Quý là các tài sản tài chính cho thu nhập cố định, có rủi ro lãi suất thấp và Quý đầu tư vào tiền gửi ngân hàng, trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ tiền gửi có lãi suất ổn định tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

(ii) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Quý được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo và giao dịch chính của Quý là VND. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Quý là không có do Quý không nắm giữ tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023.

(iii) Rủi ro về giá chứng khoán

Các trái phiếu niêm yết do Quý nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của trái phiếu đầu tư. Quý quản lý rủi ro về giá trái phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng đầu tư của Quý cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào trái phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào trái phiếu niêm yết của Quý là 58.995.868.288 VND. Nếu giá trị thị trường của các trái phiếu này giảm 10% thì kết quả hoạt động của Quý sẽ giảm khoảng 5.899.586.829 đồng, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá trị thị trường của các trái phiếu này tăng lên 10%, kết quả hoạt động của Quý sẽ tăng lên khoảng 5.899.586.829 đồng.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

20. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

20.2 *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ của mình theo cam kết, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quý có rủi ro tín dụng từ tài sản tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu doanh nghiệp và các công cụ tài chính khác.

Quý chủ yếu duy trì số dư tiền gửi, trái phiếu doanh nghiệp và chứng chỉ tiền gửi tại các ngân hàng, tổ chức tín dụng và tổ chức kinh tế có uy tín ở Việt Nam. Rủi ro đối với số dư tiền gửi, trái phiếu doanh nghiệp và chứng chỉ tiền gửi tại các ngân hàng, các tổ chức tín dụng và tổ chức kinh tế được quản lý bởi bộ phận quản lý đầu tư của Quý theo chính sách của Quý. Quý nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng, trái phiếu doanh nghiệp và chứng chỉ tiền gửi là rất thấp.

Chính sách của Quý là đầu tư vào các công cụ tài chính của các đối tác có uy tín. Bộ phận quản lý đầu tư theo dõi chặt chẽ tình hình tín dụng của các đối tác của Quý bằng cách xem xét tình hình tài chính, khả năng trả nợ của đối tác, báo cáo tài chính và thông tin đại chúng.

20.3 *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quý gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quý chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Quý đầu tư chủ yếu trên thị trường chứng khoán và các công cụ tài chính khác, trong điều kiện bình thường của thị trường, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt. Quý giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quý và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Quỹ tại thời điểm cuối kỳ:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	11.027.385.779	11.027.385.779	35.301.202.963	35.301.202.963
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở	11.027.385.779	11.027.385.779	10.114.469.242	10.114.469.242
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng	-	-	25.186.733.721	25.186.733.721
Các khoản đầu tư	142.969.175.531	142.969.175.531	115.123.843.117	115.123.843.117
- Trái phiếu	68.269.175.531	68.269.175.531	50.311.560.403	50.311.560.403
- Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng	64.700.000.000	64.700.000.000	20.025.479.452	20.025.479.452
- Chứng chỉ tiền gửi	10.000.000.000	10.000.000.000	44.786.803.262	44.786.803.262
Các khoản phải thu	4.789.523.829	4.789.523.829	2.036.789.027	2.036.789.027
	158.786.085.139	158.786.085.139	152.461.835.107	152.461.835.107
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	2.631.237	2.631.237	-	-
Chi phí phải trả	83.806.851	83.806.851	84.300.000	84.300.000
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	5.000.187	5.000.187	187	187
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	182.284.677	182.284.677	181.204.729	181.204.729
Phải trả, phải nộp khác	4.958.885	4.958.885	5.000.000	5.000.000
	278.681.837	278.681.837	270.504.916	270.504.916

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quỹ sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu, chi phí phải trả, phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ, phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở và phải trả, phải nộp khác bằng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi có kỳ hạn được ước tính theo phương pháp định giá quy định tại *Thuyết minh* 3.3.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHÓT KHÁC

22.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

a) Công ty Quản lý Quỹ

Các giao dịch trọng yếu trong kỳ như sau:

Cho kỳ kế toán
sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6
năm 2023
VND

Giá dịch vụ quản lý quỹ mở

769.674.046

Ghi chú: Do Quỹ mới được thành lập từ ngày 22 tháng 9 năm 2022 nên không có số liệu kỳ trước.

Số dư tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	129.884.677	128.804.729

b) Thù lao của Ban Đại diện Quỹ

Ngoài tiền thù lao, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng. Phụ cấp cho Ban Đại diện Quỹ được hạch toán vào chi phí của Quỹ.

Các giao dịch trọng yếu trong kỳ như sau:

Cho kỳ kế toán
sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6
năm 2023
VND

Thù lao Ban Đại diện Quỹ

54.000.000

Ghi chú: Do Quỹ mới được thành lập từ ngày 22 tháng 9 năm 2022 nên không có số liệu kỳ trước.

Số dư tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	24.300.000	24.300.000

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC
 (tiếp theo)

22.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

c) *Số lượng chứng chỉ quỹ mà bên liên quan nắm giữ*

Chi tiết số lượng chứng chỉ quỹ được nắm giữ bởi bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>		<i>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	
		<i>Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>	<i>Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt	Công ty Quản lý Quỹ	2.491.315,10	16,43	2.491.315,10	16,54
Bên liên quan khác		4.378,15	0,03	3.800,00	0,03
		2.495.693,25	16,46	2.495.115,10	16,57

22.2 Các hợp đồng then chốt khác

Ngân hàng Giám sát

Theo hợp đồng giám sát và lưu ký ký với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam ("Ngân hàng Giám sát"), Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giám sát là 0,02% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 7.000.000 đồng một tháng, mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, và giá dịch vụ lưu ký là 0,06% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 15.000.000 đồng một tháng.

Ngân hàng Giám sát cũng đồng thời là tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,03% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ, với mức tối thiểu là 15.000.000 đồng một tháng, mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Ngoài ra, Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá phí lưu ký xử lý hồ sơ đối với giao dịch cổ phiếu, trái phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tối thiểu là 100.000 đồng/ngày giao dịch và tối đa là 10.000.000 đồng/ngày giao dịch và công thức tính là 0,01% giá trị giao dịch. Đối với các giao dịch mua bán chứng khoán OTC và các tài sản khác thì mức phí dịch vụ giao dịch chứng khoán trả cho Ngân hàng Giám sát là 100.000 đồng/giao dịch.

Chi tiết giá dịch vụ và thu nhập phát sinh trong kỳ như sau:

Cho kỳ kế toán
 sáu tháng kết thúc
 ngày 30 tháng 6
 năm 2023
 VND

Lãi tiền gửi ngân hàng	552.552.813
Phí dịch vụ quản trị quỹ mở	99.000.000
Phí dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	90.000.000
Phí dịch vụ giám sát	46.200.000
Giá dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	4.070.995
Phí ngân hàng	2.817.868

Ghi chú: Do Quỹ mới được thành lập từ ngày 22 tháng 9 năm 2022 nên không có số liệu kỳ trước.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC
(tiếp theo)

22.2 Các hợp đồng then chốt khác (tiếp theo)

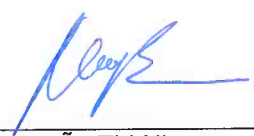
Ngân hàng Giám sát (tiếp theo)

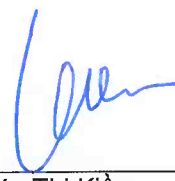
Số dư tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng	15.000.000.000	-
Tiền gửi thanh toán	11.027.385.779	10.114.469.242
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	450.616.460	-
Phải trả dịch vụ quản trị quỹ	16.500.000	16.500.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	15.000.000	15.000.000
Phải trả dịch vụ giám sát	7.700.000	7.700.000

23. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngoài các thông tin đã trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ.


Bà Nguyễn Thị Nhung
Kế toán quỹ


Bà Khúc Thị Kiều
Kế toán Trưởng


Ông Phạm Phú Hợp
Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2023